

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NAM ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ NAM ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM ANH INDUSTRY AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAM ANH SERVICE

2. Mã số doanh nghiệp: 0108613900

3. Ngày thành lập: 18/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28, Xóm 5, Thôn Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988293885

Fax:

Email: lehaimt89@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất giày, dép	1520
2.	Thu gom rác thải độc hại	3812
3.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Điều 9 Nghị định 38/2015/NĐ-CP)	3822
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
6.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hội phí)	7490

7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
11.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
12.	Bốc xếp hàng hóa	5224
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
15.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
16.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	In ấn	1811
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
23.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
24.	Tái chế phế liệu	3830
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
27.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
29.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
32.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
33.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
34.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
35.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
38.	Sản xuất sợi	1311
39.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
40.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
41.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
42.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
43.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRINH VIẾT CƯỜNG	Thôn Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	60,000	038089007192	
2	LÊ THỊ HẢI	Thôn Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	40,000	001189010573	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH VIỆT CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/08/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038089007192*

Ngày cấp: *09/08/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đoài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội